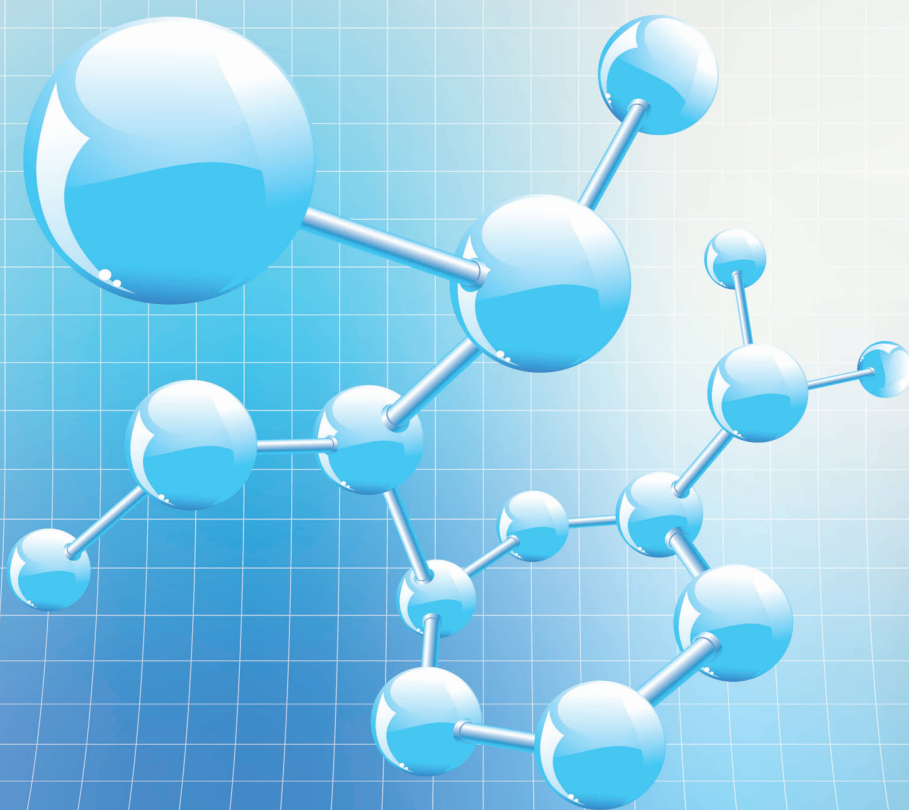




Tạp chí NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đ A I H O C S A O ĐỎ
SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X



Số 3 (91)
2025

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đình

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Nguyễn Đức Toàn

PGS.TS. Lê Thu Quý

GS.TS. Lê Anh Tuấn

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Bành Tiến Long

Prof.Dr. Nguyen Duc Toan

Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy

Prof.Dr. Le Anh Tuan

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Prof.Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head

MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- | | | |
|---|----|--|
| Phương pháp phân loại sâu bệnh cho đồng lúa bằng máy bay không người lái và kỹ thuật học sâu | 5 | Hà Minh Tuấn
Phạm Đức Khấn
Lê Ngọc Hòa
Nguyễn Thị Sim |
| Ứng dụng thuật toán nhận diện vật thể YOLOv11 và sinh trắc vân tay, đề xuất mô hình cổng tự động nhà xe học sinh, sinh viên | 11 | Lý Quang Minh
Phạm Như Phẩm
Hồ Thị Dung |
| Nghiên cứu ứng dụng thị giác máy tính để tự động hóa công đoạn kiểm tra mạch PCB | 18 | Nguyễn Ngọc Đức
Hà Nhật Tiến Dương
Đoàn Văn Khánh
Phạm Thành Đạt
Vũ Trường Hải |
| Phát triển hệ thống phát hiện không thắt dây an toàn đúng quy định trên ô tô dựa trên mạng YOLOv11 | 25 | Hoàng Thị An |
| Đô thị thông minh với sự quản lý giám sát của cảm biến IoT | 32 | Lê Thị Thanh Bình |
| Khung nhận dạng hai giai đoạn để kiểm tra ngoại quan các sản phẩm đa thành phần | 35 | Hà Minh Tuấn
Lê Ngọc Hòa
Nguyễn Trương Huy
Nguyễn Thị Việt Hương |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- | | | |
|---|----|--------------------------------|
| Nghiên cứu ảnh hưởng của thông số chế độ cắt đến độ nhám bề mặt khi gia công thép không gỉ S136 trên máy phay CNC | 41 | Mạc Thị Nguyên
Đào Văn Kiên |
| Nghiên cứu ảnh hưởng của chiều dài mũi may, chiều cao trục vít và chiều cao thanh răng đến biến dạng đường may tra khóa giọt lệ | 50 | Bùi Thị Loan
Nguyễn Thị Hồi |
| Ảnh hưởng mật độ mũi may, chỉ số chỉ và số lớp vải đến hệ số tiêu hao chỉ trên đường may 301 và 401 | 57 | Tạ Văn Hiên
Nguyễn Thị Hiên |
| Đánh giá hiệu quả bộ giảm chấn kết cấu đàn hồi nhót trong kiểm soát rung động địa chấn và gió | 63 | Dương Thị Hà |

NGÀNH KINH TẾ

- | | | |
|---|----|---|
| Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên khu vực Hải Dương cũ (thành phố Hải Phòng) | 70 | Vũ Mạnh Cường
Nguyễn Thị Thủy
Lương Thị Hoa |
| Đào tạo nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cũ (nay thuộc thành phố Hải Phòng): Thực trạng và mô hình đề xuất | 76 | Nguyễn Thị Kim Nguyên
Nguyễn Thị Nhan |
| Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua hàng trên TikTok Shop tại Thành phố Hà Nội | 82 | Vũ Mạnh Cường
Nguyễn Thị Ngọc Mai
Lê Thị Huyền
Đào Thị Kim Tuyền |
| Nghiên cứu việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Góc nhìn từ số liệu quyết toán thuế và xử phạt vi phạm | 89 | Định Thị Kim Thiết
Nguyễn Hải Hà |
| CSR và ý định mua hàng của thế hệ Gen Z tại Việt Nam: Bằng chứng từ ngành Thời trang | 95 | Vũ Mạnh Cường
Hoàng Thị Hoa
Hoàng Thị Thu Trang |

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- | | | |
|--|-----|-----------------------------------|
| Chuyển đổi số trong dạy học các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay | 102 | Nguyễn Mạnh Tường |
| Xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập toàn cầu | 106 | Phùng Thị Lý |
| Nhận thức và vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam hiện nay | 111 | Nguyễn Thị Nhan
Nguyễn Thị Nga |
| Giáo dục đại học trong nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay | 118 | Phạm Xuân Đức |
| Tư tưởng chính trị của Ngô Thì Nhậm, ý nghĩa đương thời và giá trị thời đại | 123 | Phạm Văn Dự |

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|--|----|--|
| Disease classification method for rice fields using drones and deep learning technique | 5 | Ha Minh Tuan
Pham Duc Khan
Le Ngoc Hoa
Nguyen Thi Sim |
| Applying object recognition algorithm YOLOv11 and fingerprint biometrics, proposing an automatic gate model for student parking lots | 11 | Ly Quang Minh
Pham Nhu Pham
Ho Thi Dung |
| Research on applying computer vision for automating PCB inspection processes | 18 | Nguyen Ngoc Duc
Ha Nhat Tien Duong
Doan Van Khanh
Pham Thanh Dat
Vu Truong Hai |
| An automobile seatbelt non-compliance detection system developed with the YOLOv11 network | 25 | Hoang Thi An |
| Smart city with IoT sensor monitoring management | 32 | Le Thi Thanh Binh |
| A two-stage identification framework for visual inspection of multi-component products | 35 | Ha Minh Tuan
Le Ngoc Hoa
Nguyen Truong Huy
Nguyen Thi Viet Huong |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|--|----|--------------------------------|
| Study on the effect of cutting parameters on surface roughness during CNC milling of S136 stainless steel | 41 | Mac Thi Nguyen
Dao Van Kien |
| Study on the influence of stitch length, screw height and gear bar height to on zipper stitch deformation | 50 | Bui Thi Loan
Nguyen Thi Hoi |
| The influence of stitch density, thread count and number of fabric layers on the sewing thread consumption coefficient on stitch 301 and 401 | 57 | Ta Van Hien
Nguyen Thi Hien |
| Evaluate the effectiveness of viscous elastic dampers in controlling seismic and wind-induced vibrations | 63 | Duong Thi Ha |

TITLE FOR ECONOMICS

- | | | |
|--|----|---|
| Research on the factors affecting entrepreneurial intentions among the youth in the old Hai Duong area (Hai Phong city) | 70 | Vu Manh Cuong
Nguyen Thi Thuy
Luong Thi Hoa |
| Training human resources for Industrial zones in the former Hai Duong province (now part of Hai Phong city): Current situation and proposed, model | 76 | Nguyen Thi Kim Nguyen
Nguyen Thi Nhan |
| Factors affecting consumer satisfaction when shopping on TikTok shop in Hanoi city | 82 | Vu Manh Cuong
Nguyen Thi Ngoc Mai
Le Thi Huyen
Dao Thi Kim Tuyen |
| Research on tax compliance of small and medium enterprises in VietNam: Perspectives from tax settlement data and violation penalties | 89 | Dinh Thi Kim Thiet
Nguyen Hai Ha |
| CSR and purchase intention of generation Z in Vietnam: Evidence from the fashion industry | 95 | Vu Manh Cuong
Hoang Thi Hoa
Hoang Thi Thu Trang |

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- | | | |
|---|-----|-----------------------------------|
| Digital transformation in teaching political theory subjects at Sao Do University today | 102 | Nguyen Manh Tuong |
| Building Vietnamese cultural families in the period of global integration | 106 | Phung Thi Ly |
| Theoretical and practical values of scientific socialism in the construction of a fair, democratic and civilized society in Vietnam today | 111 | Nguyen Thi Nhan
Nguyen Thi Nga |
| Higher education in the digital economy in Vietnam now | 118 | Pham Xuan Duc |
| Ngo Thi Nham's political thought, contemporary significance and contemporary values | 123 | Pham Van Du |

Nghiên cứu việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Góc nhìn từ số liệu quyết toán thuế và xử phạt vi phạm

Research on tax compliance of small and medium enterprises in VietNam: Perspectives from tax settlement data and violation penalties

Đinh Thị Kim Thiết*, Nguyễn Hải Hà

*Tác giả liên hệ: duongkhanh2010@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 07/7/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 27/8/2025

Ngày chấp nhận đăng: 29/8/2025

Tóm tắt

Bài báo này phân tích mức độ thực hiện trách nhiệm (TN) và nghĩa vụ thuế (NVT) của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Việt Nam dựa trên dữ liệu quyết toán thuế và số liệu xử phạt vi phạm do Tổng cục Thuế công bố. Kết quả phân tích và đánh giá kết hợp với việc tham khảo kinh nghiệm về quản lý thuế (QLT) của một số nước trên thế giới, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc thực hiện TN và NVT của các DNNVV. Từ đó, bài báo đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao TN của các DNNVV, nhất là các giải pháp nhằm tăng cường hỗ trợ người nộp thuế, áp dụng quản lý rủi ro và cải thiện cơ chế xử phạt theo hướng minh bạch, công bằng.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm; nghĩa vụ thuế.

Abstracts

This article analyzes the level of implementation of responsibilities (TN) and tax obligations (NVT) of small and medium-sized enterprises (SMEs) in Vietnam based on tax settlement data and handling of violations fines announced by the General Department of Taxation. The results of the analysis and evaluation are reasonable with reference to the experience of tax management (QLT) of some countries in the world, the author draws some lessons for Vietnam in implementing TN and NVT of SMEs. From there, the article proposes solutions to enhance support for SME's TN tax, especially solutions to enhance tax support, apply risk management and improve the penalty handling mechanism according to transparent and fair guidelines.

Keywords: Small and medium enterprises; responsibilities; tax obligations.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện TN và NVT của doanh nghiệp (DN) giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì hệ thống thuế hiệu quả, minh bạch, đồng thời góp phần ổn định nguồn thu ngân sách. Tại Việt Nam, DNNVV chiếm hơn 97% tổng số DN, có tác động rõ rệt đến tăng trưởng kinh tế, bảo đảm việc làm và hỗ trợ đổi mới. Tuy nhiên, họ cũng đối mặt với nhiều thách thức về nguồn lực, quản lý và cạnh tranh, khiến nguy cơ vi phạm, trốn thuế cao hơn, đặt ra bài toán khó cho cơ quan QLT cần được phân tích sâu từ cả góc độ kinh tế và quản lý [1].

Giai đoạn 2018-2024 chứng kiến sự đổi mới mạnh mẽ trong chính sách và công tác QLT tại Việt Nam. Sự

phát triển công nghệ số giúp Cục Thuế, Bộ Tài Chính đẩy nhanh hiện đại hóa, tiêu biểu là triển khai hóa đơn điện tử và khai, nộp thuế trực tuyến, vừa đơn giản hóa thủ tục vừa tăng cường giám sát. Trong bối cảnh COVID-19, Chính phủ cũng ban hành nhiều chính sách gia hạn, miễn giảm thuế và hỗ trợ tài chính cho DNNVV. Do đó, việc nghiên cứu hành vi thực hiện TN và NVT của DNNVV trong giai đoạn này rất thiết thực, vừa đánh giá hiệu quả chính sách vừa làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao công tác QLT, ý thức tuân thủ, hướng tới môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng hơn trong tương lai.

2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN TN VÀ NVT CỦA CÁC DN NHỎ VÀ VỪA TẠI VIỆT NAM

Giai đoạn 2018-2024 cho thấy xu hướng thay đổi một cách tích cực về mức độ thực hiện TN và NVT trong

Người phản biện: 1. PGS.TS. Lê Xuân Đình
2. TS. Phạm Thị Hồng Hoa

khu vực DNNVV tại Việt Nam. Dữ liệu từ Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế, Bộ Tài chính) cho thấy tỷ lệ quyết toán thuế đúng hạn đã tăng từ 72÷85%. Đây là mức cải thiện đáng kể (Bảng 1). Kết quả này cho thấy đã có sự tác động tích cực từ các biện pháp cải cách hành chính thuế, nổi bật là việc áp dụng hóa đơn điện tử trên diện rộng, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong giám sát, cùng với việc đẩy mạnh truyền thông chính sách tới cộng đồng DN.

Bảng 1. Số liệu quyết toán thuế và vi phạm của DNNVV (2018-2024)

Năm	Tỷ lệ quyết toán đúng hạn (%)	Số vụ vi phạm	Tổng số tiền phạt & truy thu (tỷ đồng)
2018	72	34867	16532
2019	74	32498	15854
2020	76	29882	14747
2021	78	26735	14259
2022	82	23936	15204
2023	84	22514	15035
2024	85	20496	14657

(Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu công bố của Tổng cục Thuế, 2024)

Song song với đó, số lượng vụ việc vi phạm bị phát hiện và xử phạt có chiều hướng giảm mạnh, từ 34.867 vụ năm 2018 xuống còn 20.496 vụ vào năm 2024, tương đương mức giảm gần 41%. Tổng số tiền phạt mặc dù có xu hướng giảm, nhưng số tiền phạt và truy thu vẫn ở mức lớn, trung bình khoảng 14.000÷16.000 tỷ đồng mỗi năm, cho thấy quy mô của các hành vi vi phạm vẫn đáng lo ngại, cho dù số vụ có giảm (Bảng 1).

Phần lớn sai phạm phát sinh trong lĩnh vực thuế thu nhập DN (chiếm khoảng 30÷35%), trong khi các hành vi liên quan đến thuế thu nhập cá nhân và một số khoản thu khác chiếm tỷ lệ nhỏ hơn. Các hành vi phổ biến gồm: kê khai doanh thu không đúng với thực tế, khấu trừ thuế GTGT không hợp lệ, khai khống chi phí,...

Vấn đề doanh thu: Dữ liệu phân tích từ hóa đơn điện tử cho thấy, nhiều DNNVV trong lĩnh vực dịch vụ (khách sạn, dịch vụ du lịch - nhà hàng, dịch vụ tư vấn) có doanh thu thực tế phát sinh nhiều hơn so với doanh thu kê khai trên báo cáo. Đây là hành vi vi phạm phổ biến, đặc biệt với các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt.

Vấn đề chi phí: Đây là vấn đề phức tạp và phổ biến nhất. Phân tích dữ liệu kiểm toán thuế cho thấy, trên 60% số trường hợp xử phạt liên quan đến việc kê khai chi phí không hợp lệ. Các vi phạm thường gặp, như:

- Chi phí tiền lương và thưởng không kèm hợp đồng lao động: Một số DN trả lương cho nhân viên mà không ký hợp đồng nhằm né tránh TN đóng bảo hiểm, sau đó hợp thức hóa khoản chi này bằng chứng từ nội bộ.

- Đối với chi phí đầu vào: Nhiều DN hạch toán chi phí đầu vào từ các nhà cung cấp nhỏ lẻ, cố tình không xuất hóa đơn hoặc ghi khống số lượng hàng hóa, hóa đơn của các công ty "ma" để giảm lợi nhuận.

- Chi phí quản lý không hợp lý: Chi phí tiếp khách vượt quá định mức, chi phí quảng cáo không có chứng từ rõ ràng hoặc chi phí mua sắm tài sản cá nhân của chủ DN nhưng kế toán hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

Dữ liệu 2024 chỉ ra rằng vi phạm tập trung nhiều nhất ở hành vi khai sai, thiếu doanh thu (43%) và chậm nộp hồ sơ quyết toán (31%). Vi phạm liên quan đến hóa đơn bất hợp pháp chiếm 22%, còn hành vi trốn thuế có chủ đích tuy ít hơn nhưng vẫn còn chiếm tới 11% (Bảng 2).

Bảng 2. Phân loại vi phạm (2024)

Loại vi phạm	Số vụ	Tỷ trọng (%)
Chậm nộp hồ sơ quyết toán	6.204	31
Khai sai, thiếu doanh thu	8.057	43
Sử dụng hóa đơn bất hợp pháp	4.193	22
Trốn thuế có chủ đích	2.042	11

(Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu công bố của Tổng cục Thuế, 2024)

Nguyên nhân chủ yếu do:

- Áp lực tài chính: Nhiều DNNVV đối mặt với khó khăn dòng tiền, đặc biệt sau COVID-19 (6);

- Thiếu hiểu biết: Nhiều chủ DN chưa am hiểu đầy đủ về pháp luật thuế, đặc biệt là các chính sách mới như hóa đơn điện tử;

- Lợi dụng kẽ hở: Một số DN lợi dụng những lỗ hổng về luật, chế độ kế toán, các thông tư, nghị định về QLT để trốn hoặc giảm TN và NVT.

Nhìn chung, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc nâng cao ý thức thực hiện TN và NVT, nhưng cần tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ DNNVV về kiến thức thuế, minh bạch hóa chế tài, tăng cường kiểm tra theo rủi ro và cải thiện công cụ giám sát để giảm quy mô và mức độ vi phạm trong tương lai.

3. KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC

Bên cạnh các kết quả tích cực từ cải cách thuế, DNNVV tại Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng của nhiều rào cản hệ thống, bao gồm thủ tục hành chính còn nặng nề, áp lực cạnh tranh, NVT cao, hạn chế trong tiếp cận công nghệ và thiếu cơ chế hỗ trợ phù hợp.

- Quá tải quy trình hành chính và tăng chi phí tuân thủ: Việt Nam hiện có hơn 219 thủ tục quy định về thủ tục kê khai, nộp thuế, trong đó chỉ 61% được cung cấp

trực tuyến, và tỷ lệ kê khai/tờ khai qua kênh điện tử đủ tăng khoảng từ 87÷88% (năm 2024), vẫn còn nhiều người phải xử lý tờ khai truyền thống (online: 87,9%, nộp trực tiếp giảm từ 5,3 triệu xuống 3 triệu hồ sơ) [2].

Việc phải gánh chi phí tuân thủ và thủ tục hành chính phức tạp đang trở thành rào cản đáng kể đối với DNNVV do khả năng tài chính và nhân lực còn hạn hẹp.

- Hạ tầng công nghệ và chia sẻ dữ liệu chưa đồng bộ

Mặc dù einvoice được triển khai, nhưng một số địa phương vẫn còn thiếu hạ tầng hỗ trợ, kết nối dữ liệu thông tin giữa cơ quan thuế, ngân hàng và hải quan vẫn chưa đạt mức đồng bộ như ở Singapore, làm hạn chế hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra doanh thu và phát hiện vi phạm hiệu quả [3].

- Cơ sở thuế bị xói mòn do chính sách miễn giảm và lỗ hổng pháp lý

Theo OECD (2023), hệ thống thuế Việt Nam có nhiều ưu đãi, miễn giảm phức tạp dẫn đến suy yếu cơ sở thuế, tạo động lực kích thích việc kê khai không trung thực hoặc gian lận thuế (ví dụ: Khai sai doanh thu, khấu trừ GTGT ảo) [5].

- Thiếu hụt cán bộ thuế và năng lực

Số lượng cán bộ thuế còn mỏng so với quy mô DN, đặc biệt ở các địa phương có mật độ DNNVV cao (Tổng cục Thuế, 2023).

Ở các thành phố lớn đã có sự “kết nối dữ liệu tốt hơn”, nhưng nhiều địa phương nông thôn vẫn thiếu cán bộ được trang bị kiến thức chuyên môn cùng kỹ năng ứng dụng công nghệ trong phân tích và kiểm soát rủi ro.

- Môi trường pháp lý chưa linh hoạt cho DNNVV

Môi trường pháp lý hiện hành còn thiếu linh hoạt, gây khó khăn cho DNNVV trong việc thực hiện TN và NVT. Các chính sách thuế phần lớn áp dụng đồng loạt, chưa tính đến sự khác biệt về quy mô và khả năng tuân thủ của từng loại hình DN, trong khi DNNVV còn hạn chế về nguồn lực kế toán - tài chính. Luật thuế thay đổi liên tục, thời gian chuyển tiếp ngắn, hướng dẫn thiếu đồng bộ giữa các địa phương. Nhiều sai sót mang tính kỹ thuật vẫn bị xử phạt như vi phạm cố ý. Việt Nam hiện chưa có cơ chế hỗ trợ thực hiện TN và NVT riêng cho DNNVV như các nước OECD và ASEAN [4].

Những thách thức trên phản ánh sự thiếu đồng bộ trong việc ban hành chính sách và hệ sinh thái hỗ trợ DN. Vấn đề đặt ra là cần phải giải quyết kịp thời các thách thức, khó khăn để tiếp tục nâng cao mức độ thực hiện TN và NVT và tăng niềm tin của các DN nói chung, DNNVV nói riêng đối với cơ quan quản lý.

4. KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Nhiều quốc gia đã có những mô hình thành công trong việc nâng cao mức độ thực hiện TN và NVT của DN, đặc biệt là nhóm DNNVV. Các mô hình thành công này

không chỉ giúp tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện NVT của các DN mà còn góp phần bổ sung đáng kể cho nguồn thu ngân sách nhà nước, đồng thời thúc đẩy hình thành một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng. Việc phân tích những mô hình thành công này đem lại nhiều kinh nghiệm quý cho Việt Nam.

* Singapore

Tiên phong trong tích hợp dữ liệu và phân tích rủi ro

Singapore được đánh giá là một trong những quốc gia đạt được hiệu quả tốt nhất trong QLT nhờ vào việc tận dụng tối đa công nghệ.

Cơ chế hoạt động: Hệ thống của Cục Thuế Nội địa Singapore (IRAS) hoạt động dựa trên nguyên tắc tích hợp và chia sẻ dữ liệu tự động. Thông tin từ các nghiệp vụ phát sinh của hoạt động kinh tế tài chính trong DN tại các ngân hàng, dữ liệu xuất nhập khẩu từ cơ quan hải quan, và các thông tin đăng ký kinh doanh đều được liên kết trực tiếp với hệ thống thuế. Nhờ vậy, IRAS giúp nhà quản lý có thể nhìn nhận tổng thể về hoạt động kinh doanh của mỗi DN.

Hiệu quả: Theo báo cáo của OECD (2023), chi phí hành chính được tiết kiệm đáng kể từ việc tự động hóa và tích hợp dữ liệu giúp IRAS do cơ quan quản lý ưu tiên phân tích và nhận diện các dấu hiệu rủi ro và vi phạm. Hệ thống sẽ tự động định vị được các giao dịch kinh tế, tài chính bất thường. Điều này cho phép cơ quan thuế thực hiện các cuộc kiểm tra nhằm mục tiêu, chính xác hơn thay vì thanh tra diện rộng, gây phiền hà và lãng phí thời gian cho các DN có TN và NVT tốt. Mô hình này đã giúp Singapore duy trì tỷ lệ thực hiện TN và NVT tự nguyện ở mức cao, trên 90%, đồng thời nâng cao mức độ tin cậy và minh bạch của hệ thống thuế.

* Hàn Quốc

Hàn Quốc đã xây dựng một hệ thống kiểm tra, giám sát và QLT tiên tiến dựa trên nền tảng hóa đơn điện tử (e-Tax Invoice).

Cơ chế hoạt động: Hệ thống hóa đơn điện tử tại Hàn Quốc là bắt buộc và được áp dụng gần như 100% cho các giao dịch. Mỗi hóa đơn được tạo ra và gửi trực tiếp đến Cục Thuế Quốc gia (NTS), cung cấp dữ liệu tức thì về doanh thu, thu nhập, chi phí của DN.

Hiệu quả: Theo một nghiên cứu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) vào năm 2021, sau 5 năm triển khai hệ thống này, NTS đã ghi nhận mức giảm 20% các vụ vi phạm liên quan đến giả mạo hóa đơn và gian lận thuế. Hơn nữa, tại Hàn Quốc, mô hình này được lồng ghép cùng các chương trình khuyến khích doanh nghiệp thực hiện NVT một cách tự nguyện. Các DN có lịch sử tuân thủ tốt được hưởng các ưu đãi như giảm thuế, hoàn thuế nhanh hơn, cũng như được giảm tần suất thanh tra. Cách tiếp cận này đã giúp DN thay đổi nhận thức,

từ việc coi thuế là một gánh nặng phải đối phó sang một nghĩa vụ cần tuân thủ để nhận được lợi ích.

*** Australia**

Quản lý rủi ro thông minh và hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu.

Cơ quan Thuế Australia (ATO) đã phát triển một chiến lược hiệu quả dựa trên việc phân loại và nhận diện, quản lý rủi ro theo từng ngành nghề.

Cơ chế hoạt động: ATO phân tích dữ liệu về các rủi ro tuân thủ tiềm ẩn của từng ngành nghề cụ thể (ví dụ: Xây dựng, dịch vụ ăn uống, thương mại điện tử) để phát hiện các mô hình gian lận phổ biến. Sau đó, ATO áp dụng các thuật toán để đối chiếu dữ liệu của từng DN với chuẩn mực ngành, qua đó nhận diện nguy cơ vi phạm.

Hiệu quả: Bên cạnh việc giám sát chặt chẽ, ATO cũng rất chú trọng vào hỗ trợ kỹ thuật. Họ đã xây dựng các cổng thông tin trực tuyến với các tài liệu, video hướng dẫn dễ hiểu và miễn phí các khóa đào tạo dành riêng cho DNNVV. Mô hình này không chỉ giúp ATO tối ưu hóa nguồn lực kiểm tra mà còn giúp giảm gánh nặng tuân thủ cho các DN tuân thủ tốt.

*** Đức**

Cơ chế hoạt động: Đức quản lý thuế dựa trên tính minh bạch và ứng dụng công nghệ số, với hệ thống khai thuế điện tử ELSTER bắt buộc giúp người dân, doanh nghiệp kê khai thuận tiện. Bên cạnh chế tài nghiêm minh với gian lận, Nhà nước chú trọng giáo dục ý thức và khuyến khích tự giác bằng cơ chế khai bổ sung để được giảm nhẹ xử phạt.

Hiệu quả:

Ý thức tuân thủ cao: Đa số người dân và doanh nghiệp tự giác thực hiện nghĩa vụ, vì thấy được lợi ích từ hệ thống phúc lợi (y tế, giáo dục, hạ tầng).

Giảm thiểu gian lận thuế: Việc áp dụng hệ thống điện tử và quản lý minh bạch giúp hạn chế trốn thuế, giảm chi phí quản lý.

Tăng hiệu quả quản lý nhà nước: cơ quan thuế giảm gánh nặng hành chính, tập trung nguồn lực vào thanh tra các trường hợp rủi ro cao.

Tạo môi trường công bằng, minh bạch cho hoạt động kinh doanh, góp phần giữ vững niềm tin xã hội đối với hệ thống thuế.

*** Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Từ những mô hình thành công trên, có thể rút ra ba bài học chính cho Việt Nam:

Một là, ưu tiên tích hợp dữ liệu: Việc triển khai hóa đơn điện tử là bước đi đúng hướng, nhưng cần tiến xa hơn bằng cách tích hợp dữ liệu từ các cơ quan có liên quan khác như ngân hàng, hải quan, cơ quan thống kê, tài

chính, quản lý kinh doanh. Điều này sẽ tạo ra một hệ thống kiểm tra giám sát toàn diện và thông minh, giúp phát hiện gian lận hiệu quả hơn.

Hai là, chuyển đổi mô hình và tư duy quản lý: Cơ quan thuế nên chuyển từ mô hình quản lý dựa trên việc thanh tra, kiểm tra diện rộng sang quản lý, nhận diện rủi ro thông minh, tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực và DN có nguy cơ cao nhất.

Ba là, đầu tư vào hỗ trợ và khuyến khích: Tổ chức các chương trình cập nhật kiến thức, hỗ trợ đào tạo kỹ thuật và khuyến khích thực hiện NVT tự nguyện cho DNNVV. Điều này không chỉ giúp họ tuân thủ đúng luật mà còn tạo sự tin tưởng và tăng cường sự hợp tác của DN với cơ quan thuế.

5. GIẢI PHÁP

Dựa trên thực trạng thực hiện TN và NVT của DNNVV giai đoạn 2018-2024, cùng với việc phân tích các số liệu từ dữ liệu quyết toán thuế và xử phạt vi phạm chính sách thuế, cũng như kinh nghiệm của các mô hình thành công trên thế giới, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện TN và NVT của các DNNVV, có tính khả thi trong bối cảnh kinh tế xã hội tại Việt Nam như sau:

Tăng cường ứng dụng công nghệ số và dữ liệu lớn (big data) trong QLT:

Triển khai hệ thống phân tích rủi ro tự động để sớm phát hiện ra các dấu hiệu vi phạm.

Tích hợp dữ liệu giữa các đơn vị có liên quan như cơ quan thuế, ngân hàng, hải quan và các cơ quan đăng ký kinh doanh để giám sát toàn diện hoạt động DN.

Khai thác AI và các mô hình học máy để đánh giá đặc điểm nộp thuế dựa trên ngành nghề và địa bàn hoạt động.

Đổi mới thể chế và chính sách thuế nhằm đơn giản hóa quy trình, tin cậy, minh bạch và ổn định:

Tiến hành rà soát và tinh gọn các thủ tục kê khai, khấu trừ và hoàn thuế nhằm phù hợp hơn với năng lực thực hiện TN và NVT của DNNVV.

Ban hành bộ hướng dẫn thực hiện thuế riêng cho DNNVV theo từng ngành nghề với ngôn ngữ dễ hiểu.

Giảm thiểu thay đổi chính sách ngắn hạn, tạo môi trường pháp lý ổn định.

Hỗ trợ đào tạo, tư vấn về kỹ thuật và nghiệp vụ cho DNNVV:

Thành lập trung tâm hỗ trợ thuế tại địa phương, cung cấp miễn phí hoặc giá thấp về dịch vụ tư vấn thuế cho DNNVV.

Tổ chức chương trình đào tạo ngắn hạn và cung cấp tài liệu hướng dẫn dễ hiểu dành cho DN mới gia nhập thị trường.

Phối hợp với hiệp hội DN, hội kế toán để tăng cường phổ biến kiến thức.

Tăng cường truyền thông và nâng cao nhận thức của DNNVV:

Thực hiện quảng bá, truyền thông về TN và NVT, TN công dân và vai trò của thuế với phát triển đất nước.

Tăng cường tiếp cận thông tin về chính sách thuế qua nền tảng số: Mạng xã hội, website, các ứng dụng điện thoại.

Lồng ghép nội dung giáo dục về việc thực hiện TN và NVT vào chương trình đào tạo nghề, đại học.

Nâng cao tính răn đe nhưng công bằng trong cơ chế xử phạt:

Xây dựng cơ chế phân biệt rõ giữa vi phạm cố ý và sai sót không cố ý, áp dụng hình thức xử lý linh hoạt.

Công khai danh sách DN tuân thủ tốt và vi phạm nghiêm trọng để tạo động lực và sức ép dư luận xã hội.

Tăng cường kiểm tra trọng điểm dựa trên phân tích big data, các dấu hiệu rủi ro thay vì thanh tra diện rộng.

Để triển khai có hiệu quả, các giải pháp trên được phân nhóm theo mức độ ưu tiên và cơ quan chủ lực như sau:

Nhóm giải pháp	Mức độ ưu tiên	Cơ quan chịu trách nhiệm chính
Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn	Ưu tiên cao - Ngắn hạn	Cục Thuế, Bộ Tài chính
Cải cách thể chế pháp lý thuế	Trung hạn	Quốc hội, Bộ Tài chính
Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tư vấn cho DNNVV	Ngắn & trung hạn	Cục Thuế, UBND cấp tỉnh
Truyền thông, giáo dục ý thức TN	Dài hạn	Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT
Tăng cường phối hợp kiểm tra - giám sát	Ngắn hạn	Cục Thuế, Công an Kinh tế, Hải quan

6. KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VĨ MÔ VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ CHO CƠ QUAN THUẾ

6.1. Kiến nghị chính sách vĩ mô

- Xây dựng lộ trình cải cách hệ thống thuế mang tính dài hạn, chú trọng vào nhu cầu và đặc điểm của DNNVV:

Việt Nam cần có chiến lược tổng thể nhằm cải cách chính sách thuế theo hướng thân thiện với DNNVV, vì đây là khu vực chiếm >95% tổng số DN.

- Học tập kinh nghiệm từ Hàn Quốc trong việc xây dựng hệ thống thuế suất ưu đãi lũy tiến, tạo động lực tuân thủ và mở rộng sản xuất cho DNNVV. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo hướng tinh gọn, ổn định và dễ thực thi. Quy định pháp luật thuế hiện nay

còn phức tạp, thay đổi thường xuyên, gây khó khăn cho các DNNVV trong việc thực hiện NVT.

- Nhà nước cần ban hành quy trình các thủ tục hành chính một cách đơn giản, thống nhất quy định giữa các luật thuế, tránh chồng chéo (ví dụ: Giữa Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT, Luật DN).

- Đẩy mạnh cơ chế khuyến khích DNNVV thực hiện NVT một cách tự nguyện. Cần xây dựng hệ thống chính sách miễn giảm thuế - ưu đãi tín dụng - hỗ trợ tư vấn - hỗ trợ kỹ thuật dành cho các DN thực hiện tốt TN và NVT.

Mô hình “DN tuân thủ tốt được giảm tần suất thanh kiểm tra thuế” đang được áp dụng hiệu quả tại Đức, có thể triển khai thí điểm ở Việt Nam.

- Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV trong QLT.

Cần phát triển mạng lưới các DN cung cấp dịch vụ tư vấn thuế, kế toán uy tín cho DNNVV, đặc biệt ở khu vực nông thôn và vùng sâu. Nhà nước có thể hỗ trợ một phần phí dịch vụ thuế kế toán cho các DNNVV mới thành lập dưới 3 năm.

6.2. Hàm ý quản trị cho cơ quan thuế

- Chuyển đổi vai trò từ “quản lý cưỡng chế” sang “đối tác hỗ trợ tuân thủ”.

Ngành thuế cần thay đổi tư duy quản lý theo hướng tư vấn, định hướng cho người nộp thuế hiểu và thực hiện TN và NVT đúng pháp luật thay vì chỉ tập trung vào xử phạt sau khi sai phạm xảy ra.

- Phát triển các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ điện tử như chatbot thuế, trung tâm hỗ trợ trực tuyến, phần mềm dự báo rủi ro tuân thủ.

Đào tạo công chức thuế theo hướng chuyên nghiệp - chuẩn mực - liêm chính. Triển khai các chương trình bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ thuế trong các lĩnh vực: Công nghệ số, phân tích dữ liệu, kỹ năng giao tiếp với DN và đạo đức công vụ.

- Áp dụng hệ thống đánh giá hiệu suất công chức thuế dựa trên chất lượng phục vụ DN, không chỉ dựa vào chỉ tiêu thu ngân sách.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế có trọng điểm, dựa trên phân tích rủi ro. Không nên kiểm tra dàn trải hoặc ngẫu nhiên mà cần áp dụng mô hình kiểm tra dựa trên chỉ số rủi ro, kết hợp với cơ sở dữ liệu ngành nghề - địa phương.

Việc thanh tra nên kết hợp tuyên truyền và hướng dẫn DN khắc phục sai sót, chứ không chỉ xử phạt hành chính.

7. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy giai đoạn 2018÷2024, mức độ tuân thủ NVT của DNNVV tại Việt Nam đã có

hiều cải thiện, thể hiện ở việc tỷ lệ quyết toán đúng hạn tăng liên tục và số trường hợp vi phạm giảm đáng kể. Tuy nhiên, tình trạng gian lận thuế vẫn tồn tại ở các lĩnh vực có rủi ro cao, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, nhất là trong ghi nhận doanh thu và chi phí.

Các nguyên nhân vi phạm xuất phát từ cả phía DN - như thiếu hiểu biết pháp luật, áp lực tài chính, cố tình lách luật - và từ phía hệ thống - như môi trường pháp lý chưa linh hoạt, chi phí tuân thủ cao, công nghệ QLT còn phân tán. Thực trạng này cho thấy yêu cầu cấp thiết phải đổi mới tư duy QLT, chuyển từ mô hình kiểm soát hành chính sang tiếp cận dựa trên rủi ro, minh bạch và hỗ trợ DN tuân thủ tự nguyện.

Kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng, để cải thiện việc thực hiện TN và NVT của DNNVV, cần gắn liền với tiến trình hiện đại hóa công nghệ, cải cách thể chế và xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ DN. Vì vậy, Việt Nam cần duy trì và mở rộng các cải cách chính sách, đồng thời đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng số trong QLT. Song song, cần triển khai các chương trình tư vấn, hỗ trợ, truyền thông, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu nhằm xây dựng văn

hóa thực hiện TN và NVT trong cộng đồng DN, hướng tới hệ thống thuế minh bạch, công bằng và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tổng cục Thuế (2023, 2024), *Báo cáo tổng kết ngành Thuế*.
- [2]. <https://en.vcci.com.vn/vietnam%E2%80%99s-tax-reform-aims-to-cut-30-in-compliance-time-and-costs>
- [3]. <https://news.laodong.vn/kinh-doanh/cai-cach-manh-me-de-doanh-nghiep-duoc-ho-tro-tot-nhat-trong-linh-vuc-thue>
- [4]. <https://dttc.sgdp.org.vn/tax-concerns-remain-a-major-barrier-post124076.html?utm>
- [5]. OECD (2023), *Tax Administration 2023: Comparative Information*.
- [6]. World Bank (2022), Vietnam SME Finance Report. IMF (2021), Vietnam Fiscal Policy Review.

AUTHORS INFORMATION

Dinh Thi Kim Thiet*, Nguyen Hai Ha

Corresponding Author: duongkhanh2010@gmail.com

Sao Do University.

THẺ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 3 (91)
2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ

Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.